

Bản án số: 02/2024/DS-ST

Ngày: 05/4/2024

V/v: “Tranh chấp

hợp đồng mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN, TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Vĩnh Thái;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Loan và ông Hoàng Văn Thứ;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bản tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Mới.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2023/TLST-DS ngày 11/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** 1/ Ông Bùi Văn H, sinh năm 1969 – Có mặt.

2/ Bà Đoàn Thị V, sinh năm 1969 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đều cư trú tại: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh L;

*** Bị đơn:** 1/ Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1994 - Vắng mặt không lý do.

2/ Chị Lý Thị K, sinh năm 2000 – Vắng mặt không lý do.

Đều ĐKKHKT: Khu xx, xã Đ, huyện T, tỉnh P.

*** Người làm chứng:** 1 - Ông Đoàn Xuân T, sinh năm 1982 - Giám đốc hợp tác xã H. Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh L – Vắng mặt.

2 - Ông Ngô Cao B, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ xx, phường P, thành phố L, tỉnh L – Vắng mặt.

3 - Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967. Địa chỉ: Khu xx, xã Đ, huyện T, tỉnh P - Vắng mặt.

4 - Ông Hà Văn T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh L – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, các văn bản ý kiến có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn: Ông Bùi Văn H và bà Đoàn Thị V trình bày:

Vợ chồng ông Bùi Văn H, bà Đoàn Thị V là thành viên của hợp tác xã H, từ đầu năm 2021 đến cuối năm 2021, vợ chồng ông bà đã bán phân bón NPK +S

5.10.3+8 cho vợ chồng anh Nguyễn Văn P, chị Lý Thị K (là người sinh sống và có nhà ở tại thôn K, xã T, huyện V, tỉnh L từ năm 2014), hai bên có lập sổ sách để theo dõi với nhau về khối lượng phân bón và số lượng tiền nợ. Đến ngày 01/01/2022 hai bên chốt nợ khối lượng phân bón đã mua bán là 42 tấn, thành tiền 257.400.000đ. Địa điểm thực hiện hợp đồng mua bán phân: Vợ chồng ông H, bà V giao phân bón cho anh P, chị K tại nhà anh P ở thôn K, xã T, huyện V, tỉnh L, sau đó anh P, chị K bán lại phân bón cho nhân dân ở thôn K, xã T.

Từ sau ngày 01/01/2022, Vợ chồng anh P, chị K đã trả nợ cho vợ chồng ông H được 63.400.000đ. Ngày 11/5/2023, vợ chồng anh P viết giấy cam kết đến ngày 11/7/2023 phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông H, bà V toàn bộ số tiền còn lại là 194.000.000 đồng và lãi suất theo ngân hàng là 01%/tháng. Chữ viết trong bản cam kết là do chị Lý Thị K viết, tại bản cam kết có ông Hà Văn T, ông Ngô Cao B, ông Đoàn Xuân T chứng kiến. Tuy nhiên, vợ chồng anh P, chị K không thực hiện đúng như Giấy cam kết.

Ông Bùi Văn H, bà Đoàn Thị V khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn P và chị Lý Thị K phải liên đới trả nợ cho vợ chồng ông H, chị V số tiền mua phân bón còn nợ là 194.000.000 đồng và lãi suất theo ngân hàng là 01%/tháng kể từ ngày 01/01/2023 cho đến ngày Tòa án ban hành quyết định, bản án sơ thẩm.

Ngày 10/3/2024 ông H, bà V thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tính lãi của số tiền anh P, chị K còn nợ mà chỉ yêu cầu trả 194.000.000 đồng tiền gốc.

2. Đối với Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P và chị Lý Thị K:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tại biên bản giao nhận Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho anh Nguyễn Văn P và chị Lý Thị K: Anh P có tự viết nội dung “Vợ chồng tôi có nợ ông H 194.000.000đ tiền mua bán phân theo bản cam kết ngày 11/5/2023, đề nghị Tòa giải quyết theo bản cam kết ngày 11/05/2023, tôi vắng mặt”.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Văn H *giữ nguyên nội dung yêu cầu như đã trình bày nêu trên*. Chị Đoàn Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt và *giữ nguyên ý kiến như nội dung trong quá trình giải quyết vụ án*.

- Bị đơn Anh Nguyễn Văn P và chị Lý Thị K vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị hướng giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ các Điều 430, 431, Điều 434 và Điều 440 của [Bộ luật Dân sự](#). Khoản 2 Điều 244, Điều 228, Điều 229, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự. [Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14](#) ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án giải quyết theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn H, bà Đoàn Thị V: Buộc anh Nguyễn Văn P và chị Lý Thị K phải liên đới trả cho ông *Bùi Văn H, bà Đoàn Thị V số tiền nợ gốc là 194.000.000đ (một trăm chín mươi tư triệu đồng)*.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu về lãi theo mức lãi xuất 01% của số tiền nợ 194.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Bùi Văn H, bà Đoàn Thị V khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn P, chị Lý Thị K thanh toán tiền mua phân bón nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”. Nơi các bên thực hiện hợp đồng là tại huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà V có đơn xin xét xử vắng mặt, các bị đơn vắng mặt không lý do lần thứ hai, người làm chứng vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 và 229 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Vợ chồng ông Bùi Văn H, bà Đoàn Thị V là thành viên của hợp tác xã H, từ đầu năm 2021 đến cuối năm 2021, vợ chồng ông bà đã bán phân bón NPK +S 5.10.3+8 cho vợ chồng anh Nguyễn Văn P, chị Lý Thị K, hai bên có lập sổ sách để theo dõi với nhau về khối lượng phân bón và số lượng tiền nợ. Đến ngày 1/1/2022 hai bên chốt nợ khối lượng phân bón cụ thể: là 42 tấn, thành tiền 257.400.000đ. Ngày 11/5/2023, vợ chồng anh P viết giấy cam kết xác nhận: Vợ chồng anh P, chị K còn nợ vợ chồng ông H, bà V số tiền 194.000.000đ và cam kết đến ngày 11/7/2023 phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông H, bà V toàn bộ số tiền còn lại là 194.000.000 đồng và lãi suất theo ngân hàng là 01%/tháng, có ông Hà Văn T, ông Ngô Cao B, ông Đoàn Xuân T chứng kiến.

Đối với bị đơn anh P, chị K cũng xác nhận: Vợ chồng anh chị có nợ ông H 194.000.000đ tiền mua bán phân theo bản cam kết ngày 11/5/2023, đề nghị Tòa giải quyết theo bản cam kết ngày 11/05/2023.

Ngày 10/3/2024 ông H, bà V thay đổi rút một phần yên cầu khởi kiện không yên cầu tính lãi của số tiền anh P, chị K còn nợ mà chỉ yên cầu trả 194.000.000 đồng tiền gốc nên cần đình chỉ đối với yên cầu tính lãi của ông H, bà V.

Như vậy, trong vụ án này các đương sự đã trình bày thống nhất về số tiền mua bán phân bón còn nợ. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yên cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn H, bà Đoàn Thị V, buộc bị đơn anh Nguyễn Văn P, chị Lý Thị K phải liên đới trả nợ cho nguyên đơn số tiền 194.000.000đ.

[3] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 227, 228, 229, khoản 2 Điều 244, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 430, 431, khoản 3 Điều 434 và Điều 440 Bộ luật Dân sự. Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yên cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn H và bà Đoàn Thị V như sau: Buộc anh Nguyễn Văn P và chị Lý Thị K phải liên đới trả cho ông *Bùi Văn H* và bà *Đoàn Thị V* số tiền mua phân bón còn nợ là 194.000.000đ (một trăm chín mươi tư triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yên cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn H và bà Đoàn Thị V đối với anh Nguyễn Văn P và chị Lý Thị K về yên cầu tính lãi 01%/tháng của số tiền gốc còn nợ là 194.000.000đ (một trăm chín mươi tư triệu đồng) kể từ ngày 01/01/2023 cho đến ngày Tòa án ban hành quyết định, bản án sơ thẩm.

3. Về án phí: Bị đơn anh Nguyễn Văn P và chị Lý Thị K phải liên đới chịu 9.700.000đ (chín triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Bùi Văn H và bà Đoàn Thị V số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 4.850.000đ (bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số: 0004523 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Sở tư pháp;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, LĐ, TP, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Triệu Vĩnh Thái